

**Biểu số 01**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 HUYỆN SA THẦY**

*Đvt: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch tỉnh giao năm 2022			Kế hoạch huyện giao năm 2022 tại Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 18/12/2021			Kế hoạch huyện giao năm 2022 điều chỉnh - lần 1			Tăng, giảm so với Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 18/12/2021	Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
			Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp		
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=7-4	
	<b>Tổng số</b>	<b>25,819</b>	<b>25,819</b>	<b>-</b>	<b>110,904</b>	<b>110,904</b>	<b>-</b>	<b>114,004</b>	<b>114,004</b>		<b>3,100.000</b>	
<b>I.</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư trong cân đối NSDP</b>	<b>25,819</b>	<b>25,819</b>	<b>-</b>	<b>104,491</b>	<b>104,491</b>	<b>-</b>	<b>104,191</b>	<b>104,191</b>		<b>300.000</b>	
1	Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	12,662	12,662	-	12,662	12,662		12,662	12,662			
-	<i>Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND</i>	7,832	7,832		7,832	7,832		7,832	7,832			
-	<i>Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)</i>	2,330	2,330		2,330	2,330		2,330	2,330			
-	Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách	2,500	2,500		2,500	2,500		2,500	2,500			
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	12,387	12,387		91,059	91,059		90,759	90,759		300.000	
3	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)	770	770		770	770		770	770			
<b>II.</b>	<b>Các nguồn thu được để lại đầu tư (Dự kiến nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư năm 2021)</b>				<b>6,413</b>	<b>6,413</b>		<b>9,813</b>	<b>9,813</b>		<b>3,400.000</b>	

**Biểu số 02**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025			Năm 2021				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2022 tại NQ số 103/NQ-HĐND ngày 18/12/2021		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 1		Tăng, giảm so với Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 18/12/2021	Ghi chú	
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Kế hoạch		Dự kiến giải ngân từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSDP
										Tổng số	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP								
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB												
	<b>TỔNG CỘNG</b>						709,560	432,760	303,310	303,310	-	-	29,153	29,153	29,153	29,153	29,153	29,153	104,491	104,491	104,191	104,191	300	
<b>I</b>	<b>NGUỒN CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTĐ</b>						44,800	44,800	9,017	9,017	-	-	553,4	553,4	553,4	553,4	553,4	553,4	12,662	12,662	12,662	12,662	-	
<b>I.1</b>	<b>Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh</b>						33,800	33,800	6,385	6,385	-	-	553,4	553,4	553,4	553,4	553,4	553,4	7,832	7,832	7,832	7,832	-	
<b>(1)</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>						26,000	26,000	5,345	5,345	-	-	553,4	553,4	553,4	553,4	553,4	553,4	3,792	3,792	3,792	3,792	-	
1	Xây dựng trường mầm non Hoa Hồng (hạng mục nhà học 8 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	2631/QĐ-UBND 29/12/2020	9,800	9,800	2,700	2,700									1,700	1,700	1,700	1,700	-	Chưa bao gồm 4.953 triệu nguồn tăng thu, kết dư, 1.800 triệu đồng từ nguồn thu sử dụng đất
2	Trường Tiểu học -THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	2628/QĐ-UBND 29/12/2020	3,500	3,500	955	955			553,4	553,4	553,4	553,4	553,4	553,4	402	402	402	402	-	Chưa bao gồm 2.000 triệu nguồn tăng thu; 500 triệu đồng nguồn thu sử dụng đất
3	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến Hạt Kiểm Lâm)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	02/QĐ-UBND 04/01/2021	12,700	12,700	1,690	1,690									1,690	1,690	1,690	1,690	-	Chưa bao gồm 11.000 triệu nguồn thu sử dụng đất
<b>(2)</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>						7,800	7,800	1,040	1,040	-	-	-	-	-	-	-	-	1,040	1,040	1,040	1,040	-	
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Bế Văn Đàn đến đường Lê Duẩn)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	05/QĐ-UBND 05/01/2021	7,800	7,800	1,040	1,040									1,040	1,040	1,040	1,040	-	Chưa bao gồm 6.745 triệu nguồn thu sử dụng đất
<b>(3)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>																		3,000	3,000	3,000	3,000	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Sa Thầy và các hạng mục phụ trợ	VPHU	TT Sa Thầy		2022-	73/QĐ-UBND 20/01/2022	6,200	6,200	3,000	3,000									3,000	3,000	3,000	3,000	-	Chưa bao gồm 3.200 triệu đồng nguồn thu sử dụng đất
<b>I.2</b>	<b>Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)</b>						11,000	11,000	2,632	2,632	-	-	-	-	-	-	-	-	2,330	2,330	2,330	2,330	-	
<b>(1)</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</b>																						-	
<b>(2)</b>	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>						11,000	11,000	2,632	2,632	-	-	-	-	-	-	-	-	2,330	2,330	2,330	2,330	-	
1	Trường TH - THCS xã Sa Sơn. Hạng mục: Nhà vệ sinh, công hàng rào và hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Sa Sơn		2022	46/QĐ-UBND 14/01/2022	1,000	1,000	752	752									752	752	752	752	-	Chưa bao gồm 248 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT
2	Trường THCS Phan Đình Phùng (Hạng mục nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	Xã Hơ Moong		2022-	231/QĐ-UBND 04/03/2022	10,000	10,000	1,880	1,880									1,578	1,578	1,578	1,578	-	Chưa bao gồm 4.000 triệu nguồn CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025; 620 triệu nguồn phân cấp đầu tư nguồn XSKT và 3.500 triệu nguồn cân đối NSDP
<b>I.3</b>	<b>Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách</b>																		2,500	2,500	2,500	2,500	-	
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Bế Văn Đàn đến ngõ 350)	BQL	TT Sa Thầy		2022-	116/QĐ-UBND 27/01/2022	16,000	16,000	10,000	10,000									2,500	2,500	2,500	2,500	-	Chưa bao gồm 6.000 triệu nguồn cân đối ngân sách địa phương
<b>II.</b>	<b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG CÂN ĐỐI</b>						664,760	387,960	294,292	294,292	-	-	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	91,059	91,059	90,759	90,759	300	
<b>(1)</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>						77,000	77,000	7,000	7,000											200	200	200	
1	Kè chống sạt lở suối Đăk Sia đoạn qua xã Sa Nhom, Sa Nghĩa và thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy (Giai đoạn 1)	BQL	Huyện Sa Thầy		2022		77,000	77,000	7,000	7,000											200	200	200	Chưa bao gồm 70.000 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách tỉnh
<b>(2)</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021</b>						16,200	16,200	11,500	11,500	-	-	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	1,500	1,500	1,000	1,000	500	
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Cù Chính Lan đến Hạt Kiểm Lâm)	BQL	TT Sa Thầy		2021-	02/QĐ-UBND 04/01/2021	12,700	12,700	11,000	11,000			10,000.0	10,000.0	10,000	10,000	10,000	10,000	1,000	1,000	1,000	1,000	-	Chưa bao gồm 1.690 triệu nguồn cân đối ngân sách địa phương

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025				Năm 2021				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2022 tại NQ số 103/NQ-HĐND ngày 18/12/2021		Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 1		Tăng, giảm so với Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 18/12/2021	Ghi chú		
						Số QĐ, ngày tháng năm phê duyệt	Tổng mức đầu tư	Trđó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Dự kiến giải ngân từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/01/2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				
										Tổng số	Trong đó:															
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước														Thanh toán nợ XDCB	
2	Trường Tiểu học -THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thủy		2021-	2628/QĐ-UBND 29/12/2020	3,500	3,500	500	500													500	Bổ trí nguồn tăng thu ngân sách huyện năm 2021, giảm nguồn thu tiền sử dụng đất		
<b>(3) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>							<b>500,800</b>	<b>224,000</b>	<b>208,032</b>	<b>208,032</b>	-	-	<b>13,100</b>	<b>13,100</b>	<b>13,100</b>	<b>13,100</b>	<b>13,100</b>	<b>13,100</b>	<b>58,000</b>	<b>58,000</b>	<b>58,000</b>	<b>58,000</b>	-			
1	Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Bể Văn Dân đến đường Lê Duẩn)	BQL	TT Sa Thủy		2021-	05/QĐ-UBND 05/01/2021	7,800	7,800	6,745	6,745														-	Chưa bao gồm 1.040 triệu nguồn cân đối ngân sách địa phương	
2	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ giãn dân tại làng Xốp, xã Mỏ Rai, huyện Sa Thủy	BQL	Xã Mỏ Rai		2020-	700/QĐ-UBND 26/7/2020 của UB tỉnh 39/NQ-HĐND 22/10/2021 của HD tỉnh	123,000	88,000	86,083	86,083															-	Chưa bao gồm 35.000 triệu NS tỉnh hỗ trợ; 1.916,839 triệu đồng từ nguồn đầu tư năm 2020 chuyển sang năm 2021
3	Đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư dọc tuyến đường Điện Biên Phủ và đường Trần Quốc Toản, thị trấn Sa Thủy	BQL	TT Sa Thủy		2021-	136/QĐ-UBND 27/01/2021	52,000	52,000	52,000	52,000															-	
4	Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thủy đến nhà máy thủy điện Ialy	BQL	H. Sa Thủy		2021-	674/QĐ-UBND 29/7/2021 tỉnh	318,000	76,200	63,204	63,204															-	Chưa bao gồm 241.800 triệu đồng nguồn hỗ trợ ngân sách Trung ương; 12.996 triệu nguồn cân đối NSDP
<b>(4) Các dự án khởi công mới năm 2022</b>							<b>20,400</b>	<b>20,400</b>	<b>17,400</b>	<b>17,400</b>									<b>17,400</b>	<b>17,400</b>	<b>17,400</b>	<b>17,400</b>	-			
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng Điện dân cư khu vực Hạt Kiểm lâm (cũ) và lân cận)	BQL	TT Sa Thủy		2022-	1965/QĐ-UBND 13/12/2021	8,500	8,500	8,500	8,500															-	
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy Sa Thủy và các hạng mục phụ trợ	VPFHU	TT Sa Thủy		2022-	73/QĐ-UBND 20/01/2022	6,200	6,200	3,200	3,200															-	Chưa bao gồm 3.000 triệu đồng nguồn cân đối ngân sách địa phương
3	(*)						5,700	5,700	5,700	5,700															-	
(5)	Nguồn thu sử dụng đất trong cân đối được để lại cho cấp xã (dễ duy tu, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng; hỗ trợ làm đường hẻm, đường giao thông nông thôn...)						<b>34,360</b>	<b>34,360</b>	<b>34,360</b>	<b>34,360</b>	-		<b>3,500.0</b>	<b>3,500.0</b>	<b>3,500.0</b>	<b>3,500.0</b>	<b>3,500</b>	<b>3,500</b>	<b>8,640</b>	<b>8,640</b>	<b>8,640</b>	<b>8,640</b>	-			
1	Thị trấn	Thị trấn					23,400	23,400	23,400	23,400			3,330.0	3,330.0	3,330	3,330	3,330	3,330	3,500	3,500	3,500	3,500	-			
2	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa	Xã Sa Nghĩa				50	50	50	50			20.0	20.0	20	20	20	20	10	10	10	10	-			
3	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình	Xã Sa Bình				100	100	100	100			20.0	20.0	20	20	20	20	20	20	20	20	-			
4	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn	Xã Sa Sơn				50	50	50	50			20.0	20.0	20	20	20	20	10	10	10	10	-			
5	Xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon	Xã Sa Nhon				50	50	50	50			20.0	20.0	20	20	20	20	10	10	10	10	-			
6	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly	Xã Ya Ly				85	85	85	85			10.0	10.0	10	10	10	10	65	65	65	65	-			
7	Xã Ya Xiér	Xã Ya Xiér	Xã Ya Xiér				50	50	50	50			20.0	20.0	20	20	20	20	10	10	10	10	-			
8	Xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi	Xã Rờ Koi				25	25	25	25			20.0	20.0	20	20	20	20	5	5	5	5	-			
9	Xã Mỏ Rai	Xã Mỏ Rai	Xã Mỏ Rai				10,500	10,500	10,500	10,500			20.0	20.0	20	20	20	20	5,000	5,000	5,000	5,000	-			
10	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong	Xã Hơ Moong				50	50	50	50			20.0	20.0	20	20	20	20	10	10	10	10	-			
(6)	<b>Chỉ công tác đo đạc, quản lý đất đai</b>						<b>16,000</b>	<b>16,000</b>	<b>16,000</b>	<b>16,000</b>			<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>5,519</b>	<b>5,519</b>	<b>5,519</b>	<b>5,519</b>	-			
III	<b>PHÂN CẤP ĐẦU TƯ NGUỒN THU XSKT (ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH GD-ĐT THỰC HIỆN CT MTQG XD NTM)</b>						-	-	-	-	-								<b>770</b>	<b>770</b>	<b>770</b>	<b>770</b>	-			
<b>(1) Các dự án khởi công mới năm 2022</b>											-	-							<b>770</b>	<b>770</b>	<b>770</b>	<b>770</b>	-			
1	Trường TH - THCS xã Sa Sơn. Hạng mục: Nhà vệ sinh, cổng hàng rào và hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Sa Sơn		2022-	46/QĐ-UBND 14/01/2022	1,000	1,000	248	248														-	Chưa bao gồm 752 triệu đồng nguồn phân cấp XSKT	
2	Trường THCS Phan Đình Phùng (Hạng mục nhà học 08 phòng và hạng mục phụ trợ)	BQL	Xã Hơ Moong		2022-	231/QĐ-UBND 04/03/2022	10,000	10,000	620	620														-	Chưa bao gồm 4.000 triệu nguồn CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2025; 620 triệu nguồn phân cấp đầu tư nguồn XSKT và 3.500 triệu nguồn cân đối NSDP	
<b>(2) Các dự án hoàn thành sau năm 2022</b>																										

(\*) Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất 5.700 triệu đồng để hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng Trụ sở làm việc Công an huyện giao Ủy ban nhân dân huyện giao Kế hoạch vốn và phân bổ chi tiết khi đảm bảo thủ tục đầu tư theo đúng quy định.

**Biểu số 03****TỔNG HỢP VỐN PHÂN CẤP CỦA TỈNH CHO HUYỆN NĂM 2022***Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Tổng số</b>	<b>Nguồn cân đối NSDP theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg</b>				<b>Thu tiền sử dụng đất</b>			<b>Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng NTM)</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Tổng</b>	<b>Phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại NQ 63/2020/NQ-HĐND</b>	<b>Phân cấp hỗ trợ xây dựng NTM (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)</b>	<b>Phân cấp hỗ trợ đầu tư các công trình cấp bách</b>	<b>Tổng số</b>	<b>Trong đó</b>			
						<b>Phân cấp đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối</b>	<b>Phân cấp thực hiện nhiệm vụ chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, quản lý đất đai</b>		
<b>25,819</b>	<b>12,662</b>	<b>7,832</b>	<b>2,330</b>	<b>2,500</b>	<b>12,387</b>	<b>10,560</b>	<b>1,827</b>	<b>770</b>	

**Biểu mẫu số 04**  
**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN THU DẸ LẠI ĐẦU TƯ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Dan h mục dự án	Chú đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025				Năm 2021				Kế hoạch năm 2022 tại NQ số 103/NQ-HĐND ngày 18/12/2021				Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh - lần 1				Tăng (+), giảm (-)	Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Giải ngân thực hiện từ 01/01/2021 đến 31/01/2022	Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP											
																				Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>5,500</b>	<b>5,500</b>	<b>4,450</b>	<b>4,450</b>	-	-	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>6,413</b>	<b>6,413</b>	-	-	<b>9,813</b>	<b>9,813</b>	-	-	<b>3,400.0</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn tăng thu năm 2021</b>					<b>3,500</b>	<b>3,500</b>	<b>2,500</b>	<b>2,500</b>	-	-	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>5,423</b>	<b>5,423</b>	-	-	<b>8,823</b>	<b>8,823</b>			<b>3,400.0</b>			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021																												
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022					3,500	3,500	2,500	2,500			2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000						500	500			500.0		
1	Trường Tiểu học - THCS Lê Quý Đôn (Nhà ăn, bếp và hạng mục phụ trợ)	BQL	TT Sa Thủy	2021	2628/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	3,500	3,500	2,500	2,500			2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000						500.0	500.0			500.0	Chưa bao gồm 955,4 triệu đồng nguồn cân đối NSDP	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022																	5,423	5,423				8,323	8,323			2,900		
1	Mở rộng Trụ sở UBND - UBND xã Sa Bình. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	BQL	Xã Sa Bình	2022	396/QĐ-UBND ngày 24/03/2022	500	500	500	500														500	500			500		
2	Mở rộng Trụ sở UBND - UBND xã Hơ Moong. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	BQL	Xã Hơ Moong	2022	397/QĐ-UBND ngày 24/03/2022	500	500	500	500														500	500			500		
3	Mở rộng Trụ sở UBND - UBND xã Ya Tâng. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã	BQL	Xã Ya Tâng	2022	398/QĐ-UBND ngày 24/03/2022	500	500	500	500														500	500			500		
4	Nhà Văn hóa xã Yaly và các hạng mục phụ trợ	UBND xã Ya Ly	Xã Ya Ly	2022	497/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	1,400	1,400	1,400	1,400														1,400	1,400			1,400		
5	*					11,640	11,640	6,045	6,045									5,423	5,423				5,423	5,423			-	Chưa bao gồm 5.595 triệu đồng nguồn vốn nhân dân đóng góp	
<b>II</b>	<b>Nguồn kết dư năm 2021</b>					<b>2,000</b>	<b>2,000</b>	<b>1,950</b>	<b>1,950</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>990</b>	<b>990</b>	-	-		<b>990</b>	<b>990</b>			-		
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022																												
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022					2,000	2,000	1,950	1,950			-	-	-	-	-	-	-	990	990				990	990			-	
1	Trường tiểu học Lê Văn Tám. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	BQL	Xã Sa Bình	2021-	926/QĐ-UBND ngày 07/6/2021	2,000	2,000	1,950	1,950										990.0	990.0				990.0	990.0			-	Chưa bao gồm 960 triệu đồng nguồn tiết kiệm chi năm 2020
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022																												

(\*) Đối với dự án khởi công mới từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2021: 5.423 triệu đồng để thực hiện dự án Dự án Hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất trống, đồi núi trọc, đất bạc màu trên địa bàn huyện Sa Thủy năm 2022 giao Ủy ban nhân dân huyện giao Kế hoạch vốn và phân bổ chi tiết khi đảm bảo các thủ tục đầu tư theo đúng quy định.